

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN NGỌC TIẾN

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DU LỊCH BIỂN
CỦA TỈNH THANH HÓA

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ

Mã số: 9340410

HÀ NỘI - 2024

**CÔNG TRÌNH ĐÃ ĐƯỢC HOÀN THÀNH
TẠI HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH**



Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. Lê Văn Chiến

Phản biện 1:.....

Phản biện 2:.....

Phản biện 3:

**Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học
viện, họp tại Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Vào hồi, giờ ngày tháng năm...

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam.

- Trung tâm Thông tin thư viện - Học viện chính trị quốc gia

Hồ Chí Minh.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Ngọc Tiến (2023), “Phát triển du lịch biển của Thanh Hóa”, tạp chí Tài chính; T.130-133.

2. Nguyễn Ngọc Tiến (2023), “Phát triển thị trường du lịch biển của chính quyền cấp tỉnh: Nghiên cứu trường hợp tỉnh Thanh Hóa”; tạp chí Kinh tế và Dự báo; T.84-87.

3. Nguyễn Ngọc Tiến (2023), “Quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh du lịch biển tại Thanh Hóa”; tạp chí Tài chính; T.198-202.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Du lịch là ngành kinh tế quan trọng trong phát triển kinh tế của nước ta hiện nay; được định hướng phát triển trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển các ngành, lĩnh vực khác, góp phần hình thành cơ cấu kinh tế hiện đại. Trong các loại hình du lịch, du lịch biển là loại hình có nhiều tiềm năng, lợi thế, những năm gần đây có sự phát triển nhanh chóng, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu của toàn ngành du lịch. Tuy nhiên, hiện nay ngành du lịch, trong đó có du lịch biển chưa được đầu tư khai thác tương xứng, đồng thời lại nảy sinh một số vấn đề về quản lý nhà nước đối với lĩnh vực này.

Thanh Hóa là một trong những địa phương có tiềm năng lớn về du lịch biển ở Việt Nam, với bờ biển khá dài, nhiều địa điểm có thể phát triển du lịch tắm biển, nghỉ dưỡng, hội thảo, thể thao... Trong những năm qua, du lịch biển của tỉnh có sự phát triển đáng ghi nhận, thể hiện ở sự tăng trưởng số lượng du khách, cơ sở lưu trú, các hoạt động kinh doanh du lịch, doanh thu, việc làm và đóng góp vào nguồn thu ngân sách. Qua đánh giá cho thấy, bên cạnh kết quả đạt được, ngành du lịch nói chung và du lịch biển nói riêng ở Thanh Hóa đang tồn tại nhiều hạn chế và bất cập như: Hệ thống hạ tầng du lịch chưa theo kịp sự phát triển; quản lý các hoạt động kinh doanh du lịch còn yếu kém ở một số mặt, vẫn còn để xảy ra các hiện tượng chặt chém, chèo kéo khách du lịch; an ninh trật tự đảm bảo an toàn cho du khách tại các khu, điểm du lịch còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp, bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm một số nơi chưa tốt; công tác xúc tiến, mở rộng thị trường du lịch còn hạn chế... Nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng trên là do công tác quản lý nhà nước (QLNN) của chính quyền tỉnh Thanh Hóa đối với du lịch biển còn nhiều hạn chế, bất cập.

Từ thực tiễn nêu trên đang đặt ra vấn đề cấp bách, cần có đề tài nghiên cứu khoa học một cách nghiêm túc và bài bản về công tác QLNN đối với du lịch biển của tỉnh Thanh Hóa. Đây sẽ là nghiên cứu có tính điển hình xây dựng khung lý thuyết về QLNN đối với phát triển du lịch biển tại địa phương đặc thù và có thể áp dụng cho các địa phương khác có điều kiện tương đồng. Bên cạnh đó về mặt thực tiễn, nghiên cứu này sẽ góp phần hoàn thiện QLNN về du lịch biển nhằm đưa du lịch trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn.

Với những lý do trên, nghiên cứu sinh đã chọn chủ đề “*Quản lý nhà nước đối với du lịch biển của tỉnh Thanh Hóa*” làm đề tài nghiên cứu luận án tiến sĩ.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

* **Mục đích nghiên cứu:** Thông qua việc tổng quan cơ sở khoa học và thực tiễn về QLNN đối với du lịch biển, đặc biệt là QLNN cấp tỉnh, để phát hiện ra các khoảng trống trong nghiên cứu QLNN đối với du lịch biển của chính quyền cấp tỉnh, luận án đề xuất khung nghiên cứu lý thuyết về QLNN đối với du lịch biển của chính quyền cấp tỉnh và các giải pháp hoàn thiện QLNN đối với du lịch biển của chính quyền tỉnh Thanh Hóa.

* **Nhiệm vụ nghiên cứu**

- Tổng thuật các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án, từ đó xác định khoảng trống nghiên cứu và định hướng nghiên cứu của luận án.

- Hệ thống hóa và làm rõ cơ sở lý thuyết và kinh nghiệm QLNN đối với du lịch biển của chính quyền cấp tỉnh.

- Phân tích, đánh giá thực trạng QLNN đối với du lịch biển của chính quyền tỉnh Thanh Hóa, làm rõ các kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân.

- Đề xuất được phương hướng và hệ thống giải pháp hoàn thiện QLNN đối với du lịch biển của chính quyền tỉnh Thanh Hóa.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

*** Đối tượng nghiên cứu:** Đối tượng nghiên cứu của luận án là QLNN đối với du lịch biển ở cấp tỉnh.

*** Phạm vi nghiên cứu:**

- Phạm vi chủ thể quản lý: Có nhiều chủ thể khác nhau tham gia QLNN đối với du lịch biển như chính quyền các cấp (tỉnh, huyện, xã), các cơ quan chức năng, doanh nghiệp, người dân... Luận án giới hạn phạm vi chủ thể quản lý là chính quyền cấp tỉnh Thanh Hóa.

- Phạm vi nội dung quản lý: QLNN đối với du lịch biển có nhiều nội dung. Trong phạm vi nghiên cứu của mình, luận án chỉ tập trung nghiên cứu các nội dung sau:

- + Quản lý tài nguyên và môi trường du lịch biển

- + Quản lý hạ tầng du lịch biển

- + Quản lý các hoạt động kinh doanh du lịch biển

- + Quản lý hoạt động xúc tiến, mở rộng thị trường du lịch biển.

- Phạm vi không gian: Luận án chỉ nghiên cứu QLNN đối với du lịch biển trong địa giới hành chính (bao gồm cả phần biển gần bờ) do chính quyền tỉnh Thanh Hóa quản lý.

- Phạm vi thời gian: Phạm vi thời gian nghiên cứu từ 2011 đến 2023. Phương hướng, giải pháp đề xuất đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

*** Cơ sở lý luận**

Luận án đã sử dụng phương pháp tiếp cận liên ngành như kinh tế học, du lịch học, văn hóa học, xã hội học để khảo sát, xem xét về QLNN đối với du lịch biển của tỉnh Thanh Hóa, đồng thời vận dụng các lý thuyết về QLNN đối với du lịch biển để đưa ra khung lý thuyết và phân tích, luận giải về QLNN đối với du lịch biển của chính quyền tỉnh Thanh Hóa.

*** Phương pháp nghiên cứu**

Luận án sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính để thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu đặt ra. Để phân tích, đánh giá QLNN về du lịch biển của chính quyền tỉnh Thanh Hóa, luận án sử dụng kết hợp phân tích dữ liệu thứ cấp theo phương pháp nghiên cứu tại bàn (desk research) và phân tích dữ liệu sơ cấp thông qua khảo sát bằng bảng hỏi.

5. Đóng góp mới của luận án

*** Đóng góp mới về lý luận**

Luận án góp phần bổ sung lý luận về QLNN đối với du lịch biển ở cấp tỉnh. Kết quả nghiên cứu của luận án đã đề xuất được khung nghiên cứu quản lý nhà nước của chính quyền cấp tỉnh đối với phát triển du lịch biển. Các kết quả nghiên cứu của luận án góp phần bổ sung bằng chứng để tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận về quản lý nhà nước của chính quyền cấp tỉnh đối với du lịch nói chung và du lịch biển nói riêng ở nước ta.

*** Đóng góp mới về thực tiễn**

- Luận án đã đánh giá rõ thực trạng quản lý nhà nước về du lịch biển của tỉnh Thanh Hóa một cách hệ thống, đa chiều.

- Các đánh giá của luận án giúp cho chính quyền tỉnh Thanh Hóa nhận thức đúng về thực trạng QLNN đối với du lịch biển của tỉnh, đặc biệt là các hạn chế và nguyên nhân hạn chế. Từ đó, có những phương hướng, giải pháp phù hợp khắc phục các hạn chế.

- Các giải pháp luận án đề xuất có thể giúp chính quyền tỉnh Thanh Hóa xây dựng, ban hành các văn bản quản lý, chỉ đạo nhằm hoàn thiện QLNN đối với du lịch biển của tỉnh Thanh Hóa.

6. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục và tài liệu tham khảo, luận án được kết cấu thành 4 chương, 12 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DU LỊCH BIỂN

1.1. TỔNG QUAN CÁC NGHIÊN CỨU VỀ DU LỊCH BIỂN VÀ TÁC ĐỘNG CỦA DU LỊCH BIỂN

Trên thế giới có thể tìm thấy các nghiên cứu về du lịch biển và phát triển du lịch biển từ đầu những năm 1990. Các chủ đề nghiên cứu về du lịch biển rất đa dạng từ các góc tiếp cận của du lịch sinh thái và bảo vệ bờ biển, du lịch biển với sự biến đổi khí hậu, tác động của du lịch biển đến môi trường, sự hài lòng của người dân và du khách với các dịch vụ, vai trò của QLNN đối với phát triển bền vững du lịch biển... Trong đó các nghiên cứu về tác động du lịch biển lên môi trường nhận được nhiều sự quan tâm nhất của các học giả trên thế giới.

Rất nhiều các nghiên cứu trên thế giới được thực hiện với nhiều nội dung khác nhau, cách tiếp cận khác nhau để làm rõ tác động của du lịch biển đến phát triển kinh tế - xã hội của các điểm đến, cũng như các nhân tố tác động đến phát triển du lịch biển trên thế giới. Các nghiên cứu này chỉ ra cả những mặt tích cực và tiêu cực của du lịch biển.

Nhìn chung các nghiên cứu về du lịch biển đã làm rõ khái niệm, các tác động tích cực và tiêu cực. Các nghiên cứu đặc biệt nhấn mạnh cần có sự quản lý của chính quyền nhằm phát huy được những mặt tích cực của du lịch biển và hạn chế tiêu cực, giúp phát triển du lịch biển một cách bền vững, hiệu quả.

1.2. TỔNG QUAN CÁC NGHIÊN CỨU VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DU LỊCH BIỂN

1.2.1. Các nghiên cứu về QLNN đối với du lịch biển

Các nghiên cứu về QLNN đối với du lịch biển được nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước thực hiện. Các nghiên cứu này tập trung vào làm rõ các khía cạnh khác nhau về khái niệm, phương thức QLNN về du lịch biển cũng như nội dung, công cụ và tác động của QLNN về du lịch biển đối với phát triển du lịch biển nói riêng và đối với phát triển KT - XH nói chung.

1.2.2. Các nghiên cứu về QLNN đối với du lịch biển tại Thanh Hóa

Thông qua việc tra cứu dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau (Science Direct, ProQuest, Emerald Management và các thư viện điện tử trong nước), các công trình nghiên cứu chuyên sâu về QLNN đối với du lịch biển Thanh Hoá còn rất hạn chế. Các công trình nghiên cứu trước đây nghiên cứu vào những nội dung cụ thể của du lịch biển Thanh Hóa trong bối cảnh biển đổi khí hậu và tiếp cận QLNN về du lịch biển trên hai góc độ: lĩnh vực quản lý và quy trình quản lý.

1.3. KHOẢNG TRỐNG NGHIÊN CỨU

1.3.1. Đánh giá chung các nghiên cứu đã tổng quan

Một là, các nghiên cứu đã làm rõ được nội hàm của hoạt động du lịch và du lịch biển, phân tích và đánh giá được những tác động tích cực và tác động tiêu cực của các hoạt động du lịch biển đến phát triển KT - XH, bảo vệ môi trường ở các quốc gia trên thế giới; đồng thời đã cung cấp nền tảng quan trọng để hình thành khung nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch biển.

Hai là, các nghiên cứu khẳng định vai trò quan trọng của nhà nước và QLNN đối với việc phát triển du lịch biển bền vững; đảm bảo phát huy những mặt tích cực của du lịch biển và hạn chế những tác động tiêu cực của hoạt động du lịch biển đối với phát triển KT - XH và môi trường của các quốc gia.

Ba là, các nghiên cứu trước đây đã làm rõ các nội dung về quản lý của chính quyền cấp tỉnh đối với du lịch nói chung tại địa phương, đã gợi ý khung nghiên cứu cơ bản để nghiên cứu trường hợp quản lý du lịch biển của tỉnh Thanh Hoá. Theo đó có thể tiếp cận việc quản lý của chính quyền cấp tỉnh đối với lĩnh vực du lịch dựa trên phân tích, đánh giá các lĩnh vực quản lý của chính quyền tỉnh về du lịch, bao gồm quản lý tài nguyên, môi trường du lịch biển; quản lý cơ sở hạ tầng, kỹ thuật phục vụ du lịch biển; quản lý các hoạt động kinh doanh du lịch biển; quản lý hoạt động xúc tiến, mở rộng thị trường du lịch biển.

1.3.2. Khoảng trống nghiên cứu và những vấn đề sẽ được nghiên cứu trong đề tài luận án

*** Khoảng trống nghiên cứu**

- Khoảng trống về nội dung: Mặc dù chủ đề QLNN về du lịch biển có nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước đã thực hiện, song hầu như tìm được ít các công trình nghiên cứu trực tiếp và hệ thống về quản lý của chính quyền cấp tỉnh đối với du lịch biển.

- Khoảng trống về tiếp cận nghiên cứu: Các nghiên cứu trước đây về QLNN trong lĩnh vực du lịch hoặc kinh tế biển đa phần đều tiếp cận theo quy

trình quản lý từ khâu xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đến tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm; nên các phân tích chủ yếu nhằm đánh giá các bước trong quy trình này, chưa làm nổi bật được hoạt động quản lý theo lĩnh vực trọng yếu, gắn với thực tiễn, nhu cầu của phát triển du lịch biển. Vì vậy, rất cần có công trình nghiên cứu về QLNN của chính quyền cấp tỉnh theo cách tiếp cận của các lĩnh vực cụ thể trong phát triển du lịch, đặc biệt trong lĩnh vực du lịch biển, do có rất ít các công trình nghiên cứu đi sâu vào chủ đề này.

- Khoảng trống về phạm vi nghiên cứu: Hiện nay có một số nghiên cứu về QLNN đối với du lịch nói chung thực hiện tại tỉnh Thanh Hóa, tuy nhiên hầu như rất ít nghiên cứu chuyên sâu về quản lý của chính quyền cấp tỉnh đối với du lịch biển, mặc dù du lịch biển được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn, là động lực cho phát triển kinh tế của tỉnh.

* Từ những khoảng trống nghiên cứu và việc xác định vấn đề nghiên cứu, luận án sẽ tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

- Nghiên cứu tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài, qua đó xây dựng được khung nghiên cứu QLNN về du lịch biển của chính quyền cấp tỉnh, tiếp cận theo lĩnh vực quản lý. Trong đó sẽ tập trung nghiên cứu QLNN của chính quyền cấp tỉnh ở bốn lĩnh vực quan trọng, có tính quyết định đến thành công của ngành du lịch biển đó là: (1) Quản lý tài nguyên, môi trường du lịch biển; (2) Quản lý cơ sở hạ tầng du lịch biển; (3) Quản lý các hoạt động kinh doanh du lịch biển; (4) Quản lý hoạt động xúc tiến, mở rộng thị trường du lịch biển.

- Nghiên cứu thực trạng quản lý của chính quyền tỉnh Thanh Hóa về du lịch biển để làm rõ kết quả và các yếu tố ảnh hưởng đến QLNN của chính quyền tỉnh đối với phát triển du lịch biển theo cách tiếp cận quản lý trên các lĩnh vực cụ thể của du lịch biển.

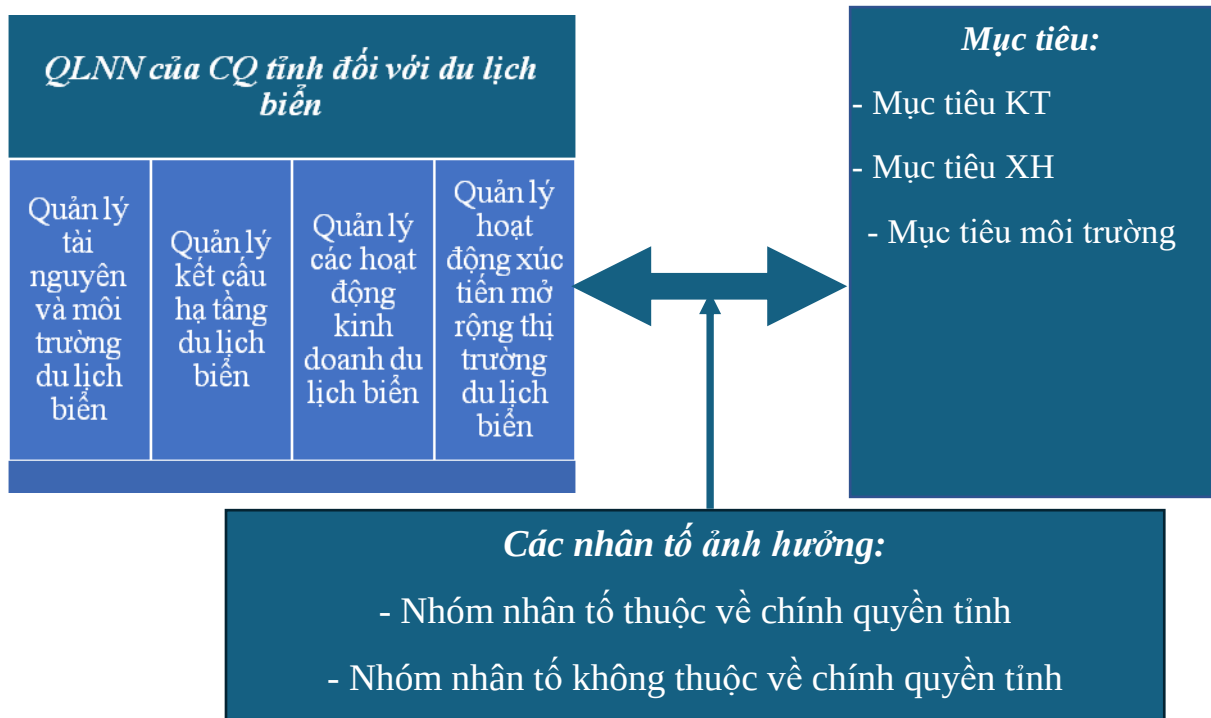
- Dựa trên những đánh giá về thực trạng quản lý của chính quyền tỉnh Thanh Hóa và những nhân tố ảnh hưởng được đề xuất từ khung lý thuyết, luận án phân tích và làm rõ các nhân tố thực sự tác động đến hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền tỉnh Thanh Hóa đối với du lịch biển, làm cơ sở khoa học để đề xuất phương hướng và giải pháp hoàn thiện QLNN về du lịch biển của tỉnh Thanh Hóa.

- Phân tích sự thay đổi về bối cảnh mới để thấy rõ những vấn đề đặt ra đối với quản lý của chính quyền cấp tỉnh trong quá trình phát triển ngành kinh tế du lịch của địa phương.

- Luận án đề xuất hệ thống giải pháp nhằm hoàn thiện quản lý của chính quyền tỉnh Thanh Hóa trên các lĩnh vực như quản lý tài nguyên thiên nhiên và

môi trường biển; quản lý hạ tầng du lịch biển; quản lý các hoạt động kinh doanh du lịch biển và quản lý hoạt động xúc tiến, mở rộng thị trường du lịch biển của tỉnh Thanh Hóa, nhằm đạt được mục tiêu xây dựng và phát triển du lịch biển trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của địa phương.

Khung nghiên cứu QLNN đối với du lịch biển của chính quyền cấp tỉnh



Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DU LỊCH BIỂN CỦA CHÍNH QUYỀN CẤP TỈNH

2.1. KHÁI QUÁT VỀ DU LỊCH BIỂN

2.1.1. Khái niệm du lịch biển

Có nhiều khái niệm về du lịch; theo Luật Du lịch năm 2017 ở Việt Nam: Du lịch là các hoạt động có liên quan đến chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên trong thời gian không quá một năm liên tục nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, nghỉ dưỡng, giải trí, tìm hiểu, khám phá tài nguyên du lịch hoặc kết hợp với mục đích hợp pháp khác.

Du lịch có rất nhiều loại hình khác nhau, dựa trên đặc điểm, sự phân bố tài nguyên... du lịch được chia thành nhiều loại hình như: Du lịch miền núi, du lịch đô thị, đồng quê, du lịch biển, đảo...

Trong nghiên cứu này, du lịch biển được hiểu là ngành dịch vụ cung cấp cho khách du lịch các điều kiện đi lại, lưu trú, lữ hành, ăn uống và các sản phẩm du lịch từ đặc điểm tự nhiên của các bãi biển và đặc điểm văn hoá của địa phương đáp ứng nhu cầu tham quan, nghỉ ngơi, thể thao, giải trí ở biển của du khách.

2.1.2. Vai trò của du lịch biển

Du lịch là một ngành kinh tế mang lại sự đóng góp lớn cho nền kinh tế toàn cầu, chiếm một phần đáng kể trong GDP quốc gia. Du lịch biển là một trong số ít những ngành mà nhiều nước đang phát triển thực sự có lợi thế so sánh với các nước phát triển, do có lợi thế về các bãi biển đẹp gắn liền với các di sản văn hóa, thiên nhiên, động vật hoang dã, khí hậu... Kinh tế của các địa phương ven biển được hưởng lợi đáng kể từ du lịch với thu nhập cao hơn, tỷ lệ việc làm và đầu tư cao hơn, cơ sở hạ tầng phát triển...

Có thể tóm lược những vai trò chính của du lịch biển đối với phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường ở địa phương như sau:

- Tạo việc làm cho người dân địa phương.
- Kích thích đầu tư cơ sở hạ tầng.
- Đóng góp cho kinh tế địa phương.
- Đóng góp trực tiếp vào việc bảo tồn các khu vực sinh thái biển và môi trường biển.
- Nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ tài nguyên, môi trường biển.

2.2. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DU LỊCH BIỂN CỦA CHÍNH QUYỀN CẤP TỈNH

2.2.1. Khái niệm QLNN đối với du lịch biển của chính quyền cấp tỉnh

* *Khái niệm về QLNN*: QLNN là sự tác động của các cơ quan QLNN lên đối tượng quản lý thông qua các công cụ quản lý của mình nhằm đạt được các mục tiêu mà nhà nước đã đề ra

* *Khái niệm QLNN đối với du lịch biển*: Từ khái niệm QLNN, có thể thấy, quản lý nhà nước đối với du lịch biển là sự tác động của các cơ quan QLNN đối với du lịch biển thông qua các công cụ quản lý nhằm đạt được mục tiêu KT - XH do nhà nước đặt ra. Các thành tố của QLNN đối với du lịch bao gồm: Chủ thể quản lý và khách thể quản lý.

Mục đích của QLNN đối với du lịch là đảm bảo ngành du lịch phát triển theo định hướng, trật tự chung, đảm bảo hài hoà lợi ích của các chủ thể tham gia, đồng thời đáp ứng sự phát triển du lịch biển bền vững, góp phần thực hiện các mục tiêu về phát triển KT - XH.

Công cụ QLNN đối với du lịch biển: Hệ thống pháp luật về du lịch biển, các chính sách liên quan đến du lịch biển và hệ thống chiến lược, kế hoạch phát triển du lịch biển.

Do các phương thức quản lý, công cụ quản lý của nhà nước được sử dụng khác nhau trong các lĩnh vực khác nhau của du lịch biển, vì vậy tiếp cận theo lĩnh vực sẽ thuận lợi hơn trong đánh giá thực trạng QLNN ở từng lĩnh vực, sát với thực tiễn và giải quyết được các vấn đề đang phát sinh trong thực tiễn.

QLNN đối với du lịch biển là một bộ phận của QLNN đối với du lịch, nên nó cũng bao gồm các bộ phận cấu thành như QLNN đối với du lịch nói chung. Chỉ có điểm khác biệt là các hoạt động du lịch, quan hệ phát sinh mà nhà nước cần quản lý diễn ra trong lĩnh vực du lịch biển. Hoạt động QLNN đối

với du lịch biển gắn liền với quyền lực của nhà nước, thông qua hệ thống các công cụ quản lý tác động trực tiếp đến các chủ thể liên quan đến hoạt động du lịch biển như những doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh du lịch biển, khách du lịch, các tổ chức liên quan đến bảo vệ và khai thác tài nguyên biển... để định hướng, điều tiết, kiểm tra, giám sát đảm bảo sự phát triển du lịch biển bền vững, đem lại hiệu quả không chỉ về kinh tế mà còn cả về các vấn đề văn hóa, xã hội và môi trường cho địa phương.

** Mục tiêu QLNN đối với du lịch biển của chính quyền cấp tỉnh:*

- Tăng lượng khách du lịch đến tham quan và sử dụng các dịch vụ du lịch biển tại địa phương. Tăng doanh thu từ du lịch biển góp phần quan trọng phát triển kinh tế địa phương. Đảm bảo các nguồn tài nguyên biển, các nguồn lực đầu tư của nhà nước vào du lịch biển được khai thác và sử dụng hiệu quả.

- Giữ gìn, bảo tồn và phát triển những giá trị văn hóa truyền thống của địa phương. Góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch; đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho người dân địa phương và khách du lịch.

- Giúp bảo vệ môi trường, hệ sinh thái biển; bảo tồn và phát triển nguồn tài nguyên biển để phát triển du lịch biển bền vững.

2.2.2. Đặc điểm của QLNN đối với du lịch biển của chính quyền cấp tỉnh

- QLNN đối với du lịch biển được thực hiện tại địa bàn có tài nguyên biển.

- Phạm vi, đối tượng của QLNN đối với du lịch biển rất rộng.

- QLNN đối với du lịch biển có tính liên ngành, đòi hỏi sự gắn kết phối hợp của nhiều cơ quan QLNN ở nhiều ngành, nhiều cấp và lĩnh vực khác nhau cùng tham gia.

2.2.3. Vai trò của QLNN của chính quyền cấp tỉnh đối với du lịch biển

- Đảm bảo việc phát triển du lịch biển đi đúng hướng và nhằm góp phần phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của mỗi địa phương.

- Tạo môi trường thuận lợi để các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch biển phát triển đúng hướng.

- Tạo nên những bước phát triển quan trọng của lĩnh vực du lịch biển, đồng thời góp phần gìn giữ, truyền bá và phát triển các giá trị văn hoá truyền thống của địa phương.

- Bảo vệ quốc phòng, an ninh và chủ quyền, lãnh thổ quốc gia.

2.2.4. Các lý thuyết về QLNN đối với du lịch biển

- *Lý thuyết về các bên liên quan (Stakeholder theory):* Lý thuyết các bên liên quan được sử dụng phổ biến trong việc xây dựng các phương thức quản lý cả ở góc độ vi mô và vĩ mô. Lý thuyết các bên liên quan được sử dụng khá phổ biến trong các nghiên cứu về quản lý du lịch khi các bên liên quan trong lĩnh vực này phụ thuộc vào nhau và đều có khả năng tác động, ảnh hưởng đến quá trình phát triển của ngành du lịch.

- *Lý thuyết thể chế hiệu quả (Institutional theory):* Trong lĩnh vực du lịch, lý thuyết thể chế và các phân nhánh của nó góp phần giải thích sự phát triển của du lịch, hình ảnh điểm đến và sự phù hợp giữa hình ảnh của khách du lịch về điểm

đến và hình ảnh của người dân địa phương về điểm đến. Các nguyên lý đề ra trong lý thuyết thể chế có thể gợi ý cách tiếp cận của quản lý nhà nước đối với du lịch biển, các chiến lược cần hướng đến, các phương thức quản lý và công cụ nhà nước có thể sử dụng để quản lý du lịch biển một cách hiệu quả, đồng thời đảm bảo hài hoà lợi ích của các chủ thể tham gia.

- *Lý thuyết lựa chọn hợp lý (Social exchange theory)*: Sự lựa chọn hợp lý trong lý thuyết này vượt ra ngoài sự trao đổi ngang giá thông thường về mặt vật chất, nó còn tính đến cả những giá trị tinh thần và lợi ích xã hội mang lại. Trong lĩnh vực du lịch, lý thuyết lựa chọn hợp lý đã được sử dụng rộng rãi để giải thích nhận thức của người dân đối với du lịch hoặc phát triển du lịch.

2.2.5. Nội dung QLNN đối với du lịch biển của chính quyền cấp tỉnh

Trong phạm vi nghiên cứu, luận án tập trung nghiên cứu 4 lĩnh vực quản lý quan trọng, có ảnh hưởng lớn, chi phối hiệu quả QLNN của chính quyền cấp tỉnh; bao gồm:

- Quản lý đối với tài nguyên và môi trường du lịch biển
- Quản lý đối với hạ tầng du lịch biển
- Quản lý đối với các hoạt động kinh doanh du lịch biển
- Quản lý xúc tiến, mở rộng thị trường du lịch biển.

2.2.6. Các nhân tố ảnh hưởng đến QLNN đối với du lịch biển của chính quyền cấp tỉnh

2.2.6.1. Các nhân tố khách quan

- Chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về du lịch biển.

- Môi trường kinh tế, văn hoá, chính trị; điều kiện kinh tế khá giả, thu nhập của người dân cao sẽ là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến cầu du lịch.

- Hạ tầng KT - XH của quốc gia, địa phương có ảnh hưởng lớn đến hoạt động du lịch nói chung và du lịch biển nói riêng.

- Sự tham gia của người dân và doanh nghiệp.

- Nguồn tài nguyên du lịch biển cũng là nhân tố có tác động quan trọng đến du lịch biển.

2.2.6.2. Các nhân tố chủ quan

- Chiến lược, quy hoạch, chương trình phát triển KT - XH của tỉnh.

- Bộ máy và chất lượng đội ngũ cán bộ QLNN về du lịch biển của chính quyền tỉnh.

- Nguồn lực, các điều kiện về cơ sở vật chất, kỹ thuật nhằm hỗ trợ hoạt động QLNN về du lịch biển của chính quyền cấp tỉnh.

2.3. KINH NGHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DU LỊCH BIỂN CỦA CHÍNH QUYỀN CẤP TỈNH Ở MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG TẠI VIỆT NAM

2.3.1. Kinh nghiệm QLNN đối với du lịch biển của tỉnh Quảng Ninh

* *Khái quát về du lịch biển tại Quảng Ninh*: Là địa phương có nhiều cảnh quan thiên nhiên, vùng biển đẹp ở nước ta; đã từ lâu, du lịch biển, đảo đã

trở thành loại hình du lịch thể mạnh của tỉnh. Hình thành nhiều khu du lịch biển nổi tiếng cả nước như: Hạ Long, Tuần Châu, Cẩm Phả, Vân Đồn, Móng Cái... các sản phẩm du lịch biển đa dạng, hấp dẫn, thu hút đông khách du lịch quốc tế.

*** Kinh nghiệm của tỉnh Quảng Ninh trong quản lý du lịch biển:**

- *Kinh nghiệm về quản lý tài nguyên và môi trường du lịch biển:* Tỉnh tập trung quyết liệt trong khâu xây dựng quy hoạch tổng thể về phát triển du lịch biển, trong đó bao gồm quy hoạch tổng thể về việc khai thác và bảo vệ tài nguyên biển, đảo cũng như phát triển hạ tầng du lịch biển. Coi trọng phát triển du lịch bền vững theo hướng tăng trưởng xanh.

- *Kinh nghiệm quản lý hạ tầng du lịch biển:* Xây dựng quy hoạch du lịch và du lịch biển đồng bộ, có chất lượng và thu hút nhiều nhà đầu tư vào phát triển ngành du lịch, tập trung phát triển những hạ tầng liên kết vùng và mở ra với khu vực và thế giới như: Xây dựng sân bay quốc tế Vân Đồn, cảng quốc tế Hạ Long, đường cao tốc nối Hạ Long với cửa khẩu quốc tế Móng Cái. Tổ chức triển khai các quy hoạch du lịch biển bài bản, công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi để nhiều chủ thể tham gia giám sát.

- *Kinh nghiệm về quản lý kinh doanh du lịch biển:* Hỗ trợ doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh du lịch biển thiết thực, hiệu quả; thường xuyên kiểm tra, chấn chỉnh những vi phạm trong hoạt động kinh doanh. Ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại để quản lý.

- *Kinh nghiệm về quản lý hoạt động xúc tiến, mở rộng thị trường du lịch biển:* Đa dạng hóa các loại hình xúc tiến, quảng bá trên các kênh thông tin khác nhau; tổ chức nhiều sự kiện, hội thảo, chuyên đề để xúc tiến chuyên sâu vào các đối tượng khác nhau.

2.3.2. Kinh nghiệm QLNN đối với du lịch biển của tỉnh Khánh Hòa

*** Khái quát về du lịch biển của tỉnh Khánh Hòa:** Là tỉnh có nhiều lợi thế về điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý, tài nguyên thiên nhiên, nhất là cảnh quan môi trường sinh thái trong phát triển du lịch biển. Với chiều dài 385 km bờ biển, trong đó có gần 100 km bãi cát trắng mịn, khoảng 200 hòn đảo lớn, nhỏ, nhiều vũng, vịnh kín, địa thế Khánh Hòa từ lâu đã nổi tiếng bởi cảnh quan đẹp, thuận lợi trong phát triển kinh tế biển nói chung và du lịch biển nói riêng. Bên cạnh đó là lợi thế vượt trội về khí hậu với nắng ấm gần như quanh năm và nhất là ít phải chịu ảnh hưởng nặng nề của mưa bão.

*** Kinh nghiệm của tỉnh Khánh Hòa trong quản lý du lịch biển**

- *Kinh nghiệm quản lý về tài nguyên và môi trường du lịch biển:* Để thực hiện những định hướng phát triển du lịch bền vững, Khánh Hòa đã và đang xây dựng những chính sách đầu tư và quy hoạch dự án phù hợp nhằm mang lại những tác động tích cực đối với công tác bảo tồn sinh thái và môi trường sống của cộng đồng dân cư.

- *Kinh nghiệm quản lý về hạ tầng du lịch biển:* Làm tốt công tác quy hoạch về phát triển hạ tầng đồng bộ với quy hoạch tổng thể phát triển KT - XH. Dành nguồn lực đầu tư những hạ tầng trọng, có tính lan tỏa lớn như: Nâng cấp

cảng hàng không quốc tế Cam Ranh, cảng du lịch Nha Trang, hạ tầng giao thông khu đô thị thành phố Nha Trang; thu hút các nhà đầu tư đầu tư vào hạ tầng khách sạn tiêu chuẩn quốc tế cao cấp.

- *Kinh nghiệm về quản lý hoạt động kinh doanh du lịch biển*: Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về du lịch đến người dân, doanh nghiệp, du khách; thường xuyên kiểm tra và xử lý nghiêm các doanh nghiệp và hộ kinh doanh vi phạm hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch biển. Tăng cường cơ chế phối hợp trong quản lý của các ngành, các địa phương bằng Quy chế phối hợp được ký kết hàng năm.

- *Kinh nghiệm quản lý về hoạt động xúc tiến, mở rộng thị trường du lịch biển*: Có chủ trương, giải pháp để kích cầu du lịch, thu hút du khách đến với Khánh Hòa; tăng cường xúc tiến, quảng bá du lịch ở nhiều thị trường quốc tế như: Nga, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản... Đầu tư ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, chuyển đổi số để nâng cao hiệu quả hỗ trợ khách du lịch.

2.3.3. BÀI HỌC VỀ QLNN ĐỐI VỚI DU LỊCH BIỂN RÚT RA CHO TỈNH THANH HÓA

*** Bài học về quản lý tài nguyên và môi trường du lịch biển**

- Cần xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch khoa học, chi tiết về quản lý tài nguyên du lịch biển theo định hướng phát triển du lịch bền vững theo hướng tăng trưởng xanh, thân thiện với môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện chủ trương, chính sách về quản lý tài nguyên biển. Coi trọng đánh giá, tổng kết và rút kinh nghiệm về các hoạt động quản lý tài nguyên.

- Cần chủ động xây dựng và thực hiện các chính sách phát triển du lịch biển bền vững dựa trên nguồn tài nguyên biển hiện có; xác định và tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm, mang tính đột phá.

*** Bài học về quản lý hạ tầng du lịch biển**

- Làm tốt công tác quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng du lịch biển, ưu tiên nguồn lực đầu tư nâng cấp về hạ tầng nhất là các hạ tầng thiết yếu như giao thông, kỹ thuật điện, nước, xử lý rác thải, chất thải; quan tâm đầu tư các điểm vui chơi, giải trí quy mô lớn, trung tâm tổ chức sự kiện như biểu diễn nghệ thuật, bảo tàng, hội nghị, hội thảo mang tầm quốc gia, quốc tế để thu hút khách du lịch.

- Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút nguồn vốn xã hội, khuyến khích phát triển sản phẩm du lịch mới, đặc thù.

- Thực hiện tốt các hoạt động kiểm tra, giám sát các công trình đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch biển.

*** Bài học về quản lý kinh doanh du lịch biển**

- Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về du lịch đến người dân, doanh nghiệp, du khách. Định hướng các doanh nghiệp, tổ chức cung cấp dịch vụ du lịch biển cho du khách.

- Xây dựng các tiêu chuẩn kỹ thuật và tổ chức hướng dẫn các đơn vị kinh doanh du lịch thực hiện nghiêm túc các tiêu chuẩn này nhằm xây dựng hệ thống cung cấp dịch vụ du lịch biển chuyên nghiệp.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh du lịch của các cơ sở, tổ chức, cá nhân thực hiện kinh doanh du lịch trên địa bàn.

- Gắn trực tiếp trách nhiệm của các cơ quan quản lý cấp cơ sở (UBND cấp xã) đối với việc đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho khách du lịch đến địa phương. Tăng cường kiểm tra trang thiết bị cứu hộ, cờ hiệu, phao tiêu, chuẩn bị phao cứu sinh, phương tiện cứu hộ biển; duy trì lực lượng cứu hộ ứng trực tại bãi biển để đảm bảo an toàn cho du khách.

*** Bài học về quản lý hoạt động xúc tiến, mở rộng thị trường du lịch biển**

- Đa dạng hoá sản phẩm du lịch, thị trường khách du lịch.

- Nâng cao hiệu quả quảng bá, xúc tiến du lịch biển, thực hiện phối hợp giữa các đơn vị kinh doanh du lịch biển và các đơn vị truyền thông, quảng bá để thu hút khách.

- Khuyến khích các doanh nghiệp làm mới các điểm đến cũ, bổ sung dịch vụ gia tăng để thu hút du khách chi tiêu và quay trở lại.

- Gắn phát triển du lịch với bảo tồn và phát huy các giá trị tài nguyên thiên nhiên, giá trị di sản văn hóa nghệ thuật, bảo vệ môi trường. Xây dựng và thực thi các chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng, phát triển các loại hình du lịch ở nông thôn gắn với nông nghiệp, làng nghề truyền thống, du lịch sinh thái ở các địa phương như ở Khánh Hòa, Quảng Ninh đã làm.

Chương 3

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DU LỊCH BIỂN CỦA TỈNH THANH HOÁ

3.1. TIỀM NĂNG VÀ THỰC TRẠNG DU LỊCH BIỂN CỦA TỈNH THANH HOÁ

3.1.1. Tiềm năng du lịch biển của tỉnh Thanh Hóa

Thanh Hoá là tỉnh đất rộng, người đông, tài nguyên thiên nhiên phong phú, có bề dày lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước. Tỉnh có đủ 4 vùng địa lý: Miền núi, trung du, đồng bằng và vùng biển; có vùng ven biển với diện tích 110.655 ha, chiếm 9,95% diện tích toàn tỉnh; đường bờ biển dài 102 km, địa hình tương đối bằng phẳng; chạy dọc theo bờ biển là các cửa sông. Thanh Hóa chịu ảnh hưởng nhiều của khí hậu miền Bắc, đầu mùa hạ nắng, khô và ít mưa do ảnh hưởng của gió Lào.

Thanh Hoá có nhiều bãi biển có thể khai thác và phát triển du lịch, trong đó hiện nay biển Sầm Sơn là địa bàn phát triển du lịch biển mạnh nhất. Cùng với Sầm Sơn, tỉnh còn có các khu, điểm du lịch biển nhiều tiềm năng khác như: Hải Tiến, bãi Đông - đảo Mê, Nghi Sơn, Hải Ninh, Hải Hoà, Hải An, Tiên Trang - Quảng Nham và một số điểm khác ở huyện Nga Sơn và huyện Hậu Lộc. Những địa chỉ trên đã và đang được đầu tư để hình thành nên chuỗi các khu, điểm du lịch biển của tỉnh Thanh Hóa.

3.1.2. Khái quát về du lịch biển tỉnh Thanh Hóa

**** Lượng khách du lịch biển đến Thanh Hoá***

Với những nỗ lực phát triển sản phẩm du lịch, quảng bá du lịch và nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch, số lượng khách du lịch đến với Thanh Hoá tăng lên liên tục qua những năm gần đây, góp phần quan trọng vào phát triển KT - XH của địa phương. Nếu như trong năm 2015, lượng khách du lịch đến Thanh Hoá đạt 5.530.000 lượt, tổng thu từ du lịch đạt trên 5.180 tỷ đồng thì đến năm 2019, Thanh Hoá đã đón 9.655.000 lượt khách, thu nhập từ du lịch đạt hơn 14.526 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng bình quân về khách du lịch giai đoạn 2015 - 2020 đạt trên 16,8%/năm, tăng trưởng trung bình về thu nhập du lịch đạt 45,1%/năm.

Trong các năm 2021, 2022 trung bình Thanh Hoá đón trên 11 triệu lượt khách/năm, tổng thu du lịch đạt 20.038 tỷ đồng (năm 2022), năm 2023, tổng lượt khách đạt gần 15 triệu lượt khách tổng thu du lịch đạt trên 25 ngàn tỷ đồng; trong đó khách đến Sầm Sơn tăng nhanh; tính trung bình, mỗi tháng Sầm Sơn thu về gần 1.400 tỷ từ khách du lịch. Kết quả đó, lần đầu tiên đưa Thanh Hóa đứng thứ ba cả nước về khả năng hút khách du lịch.

**** Thực trạng hạ tầng du lịch biển tỉnh Thanh Hoá***

Những năm qua tỉnh đã dành nhiều nguồn lực đầu tư cho phát triển hạ tầng KT - XH, cũng như cho phát triển du lịch địa phương, trong đó ưu tiên hàng đầu là du lịch biển. Đến nay, Thanh Hóa có hệ thống giao thông thuận lợi cả về đường sắt, đường bộ và đường thủy; tuyến đường sắt Bắc Nam chạy qua địa bàn Thanh Hoá dài 92 km với 9 nhà ga, thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hoá và hành khách. Đường bộ có tổng chiều dài trên 8.000 km, có hơn 1.600 km đường sông, trong đó có 487 km đã được khai thác cho các loại phương tiện có sức chở từ 20 đến 1.000 tấn. Điện năng phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất kinh doanh trên địa bàn đã được quan tâm đầu tư nâng cấp. Đến nay các khu, điểm du lịch có 130 trạm biến áp, công suất 120.000 KVA, 13.5 km đường dây 22 KV và hơn 100 km đường dây 0.4 KV.

Về công nghệ thông tin: Ngành dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin có tốc độ tăng trưởng khá trong các năm qua, cơ sở vật chất ngành đã phát triển nhanh chóng đảm bảo phục vụ nhu cầu của nhân dân và khách du lịch.

Về môi trường: Hệ thống xử lý môi trường được đầu tư; chất thải rắn sinh hoạt hàng ngày thu gom xử lý; khối lượng chất thải rắn thu gom hàng ngày tại thị xã là 28 tấn/ngày (mùa đông) và 40 tấn/ngày (mùa hè).

Hệ thống cơ sở lưu trú du lịch của tỉnh phát triển với tốc độ khá nhanh. Năm 2016, toàn tỉnh chỉ có 700 cơ sở lưu trú du lịch với 23.000 phòng. Đến năm 2020, toàn tỉnh có 925 cơ sở lưu trú/41.300 phòng; trong đó có 206 khách sạn được xếp hạng từ 1 - 5 sao, với 14.050 phòng và 87 hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú tại nhà dân (homestay), với sức chứa trên 4.500 người. Trong đó có một số cơ sở lưu trú quy mô lớn, đẳng cấp và có năng lực cung cấp các dịch vụ chất lượng cao như Khách sạn Mường Thanh (4 sao), Khách sạn Thiên Ý (4 sao), Khu resort

Vạn Chài (4 sao), dự án quần thể sân golf và khu nghỉ dưỡng FLC (5 sao), Khách sạn Central (5 sao), Khách sạn Vipearl (5 sao)... Ngoài ra, toàn tỉnh còn có 4 trung tâm mua sắm phục vụ khách du lịch, bao gồm Trung tâm thương mại Vincom Plaza; Trung tâm thương mại Vincom Nghi Sơn; Siêu thị Co.op Mart và Siêu thị BigC.

Trong giai đoạn 2011 - 2023, tổng số dự án đầu tư kinh doanh du lịch đang triển khai là 81 dự án, tổng vốn đăng ký hơn 145.800 tỷ đồng; trong đó, có nhiều dự án quy mô lớn, hệ thống dịch vụ đồng bộ, có chất lượng cao nhằm đáp ứng nhu cầu của khách du lịch trong và ngoài nước như: Khu du lịch sinh thái biển Tiến Thanh; Dự án Quảng trường biển, trục cảnh quan lễ hội thành phố Sầm Sơn; Khu đô thị du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí cao cấp Bến En, huyện Như Thanh; Khu đô thị nghỉ dưỡng khoáng nóng tại xã Quảng Yên, huyện Quảng Xương; Khu phức hợp khách sạn, trung tâm thương mại tại xã Quảng Nham, huyện Quảng Xương của Công ty Cổ phần ORG, Dự án Flamingo Linh Trường Khu B, xã Hoàng Trường, huyện Hoàng Hóa của Công ty Cổ phần Flamingo Holding Group...

**** Thực trạng các sản phẩm du lịch biển của Thanh Hóa***

Du lịch biển truyền thống tập trung vào một số sản phẩm chính như: Du lịch nghỉ dưỡng - tắm biển; văn hóa - tâm linh; sinh thái, cộng đồng, làng nghề; du lịch kết hợp hội thảo, hội nghị, mua sắm, công vụ; du lịch đường sông “Ngược xuôi sông Mã”.

Hiện nay, để thu hút khách du lịch biển, Thanh Hóa đã đẩy mạnh phát triển nhiều sản phẩm du lịch kết hợp sự kiện, hội nghị, hội thảo tại các địa điểm có lợi thế về du lịch nghỉ dưỡng cao cấp, du lịch golf, mua sắm... đẩy mạnh phát triển khu, tuyến, điểm du lịch có tính liên kết; tạo mọi điều kiện cho các doanh nghiệp tham gia đầu tư, tổ chức các dịch vụ trên biển như: Đua thuyền buồm, lướt ván, mô tô nước, dù bay, các khu vui chơi giải trí cảm giác mạnh...

Thanh Hóa có 1.535 di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh được xếp hạng; trong đó, có 01 di sản thế giới thành Nhà Hồ, 05 di tích quốc gia đặc biệt, 789 di tích, danh thắng cấp tỉnh; 363 loại hình văn hóa phi vật thể như dân ca, dân vũ, lễ hội truyền thống... Để phát huy lợi thế về du lịch văn hóa, tâm linh, tỉnh đã lựa chọn và xây dựng một số lễ hội văn hóa đặc trưng, tổ chức thường niên nhằm quảng bá, tạo thương hiệu riêng cho du lịch như: Lễ hội Lam Kinh, Lê Hoàn, Bà Triệu, Mai An Tiêm, Bà Triệu, Đồng Cổ; Lễ tế Nam Giao thành Nhà Hồ, Từ Thức, lễ hội Mừng Xia - Quan Sơn...; xây dựng và triển khai đề án hỗ trợ tổ chức biểu diễn các loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống tại các khu du lịch trọng điểm, làng du lịch cộng đồng phục vụ du khách.

3.2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DU LỊCH BIỂN CỦA TỈNH THANH HÓA

3.2.1. Bộ máy QLNN về du lịch biển tỉnh Thanh Hóa

Hiện nay bộ máy QLNN về du lịch của tỉnh Thanh Hóa được tổ chức theo mô hình trực tiếp, cao nhất là Ủy ban nhân dân tỉnh, tiếp đến là Sở Văn hóa,

Thể thao và Du lịch (VH-TT&DL) và phòng VH-TT&DL cấp huyện. Ngoài ra theo ngành dọc, thì các cơ quan QLNN về du lịch chịu sự quản lý và chỉ phối của Tổng cục Du lịch và Bộ VH-TT&DL. Thống kê hiện nay toàn tỉnh có khoảng 100 cán bộ quản lý về du lịch, bao gồm cán bộ, công chức của Sở VH-TT&DL, cán bộ, viên chức phụ trách xúc tiến du lịch thuộc Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh và cán bộ, công chức, viên chức chuyên quản lý lĩnh vực du lịch tại UBND huyện, thị xã, thành phố.

UBND tỉnh đã có nhiều văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ cụ thể của các đơn vị trực thuộc UBND tỉnh trong việc thực hiện QLNN về du lịch biển tại địa phương; trong đó, cơ quan được giao trực tiếp quản lý ở cấp tỉnh là Sở VH-TT&DL. Ngoài Sở VH-TT&DL, UBND tỉnh còn thành lập ra Ban chỉ đạo phát triển du lịch tỉnh. Đối với UBND các cấp (huyện, xã), ngoài các nhiệm vụ theo quy định pháp luật, căn cứ vào nội dung của Chương trình phát triển du lịch để cụ thể hoá phù hợp với điều kiện thực tế địa phương.

Cùng với các cơ quan bộ máy chính quyền có một số chủ thể khác cùng tham gia vào hoạt động quản lý như: Các hội, đoàn thể, doanh nghiệp, người dân... Trong giới hạn về phạm vi nghiên cứu đã nêu ở phần trên, luận án chỉ tập trung nghiên cứu vào đối tượng là cơ quan QLNN về du lịch của chính quyền cấp tỉnh, trong đó trọng tâm là UBND tỉnh và các cơ quan trực thuộc UBND tỉnh được phân công nhiệm vụ QLNN về du lịch của tỉnh như Sở VH-TT&DL và các sở, ngành liên quan.

3.2.2. Thực trạng quản lý của chính quyền tỉnh đối với tài nguyên và môi trường du lịch biển

- *Quy hoạch, khai thác tài nguyên du lịch biển*: Được quan tâm triển khai nhằm khai thác tối đa tiềm năng và lợi thế với nguồn tài nguyên du lịch biển phong phú, đa dạng; đến năm 2023, có 03 quy hoạch đang được triển khai xây dựng.

- *Bảo vệ môi trường tại các khu, điểm du lịch biển*: UBND tỉnh Thanh Hóa đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn tuyên truyền về công tác bảo vệ môi trường trong du lịch. Khảo sát thực tế trong đối tượng là du khách đến với các, khu điểm du lịch của tỉnh về tình hình môi trường, cho thấy tỷ lệ các đánh giá tốt và rất tốt chiếm khoảng 55,4%; đánh giá trung bình chiếm 38,6% và một số ít đánh giá kém và rất kém.

3.2.3. Thực trạng quản lý của chính quyền tỉnh đối với hạ tầng du lịch biển

UBND tỉnh Thanh Hoá đã tiến hành đồng bộ quy hoạch cơ sở hạ tầng, bao gồm hạ tầng giao thông, hạ tầng điện, các cơ sở lưu trú phục vụ cho các khu, điểm du lịch; chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan liên quan thực hiện rà soát, kiểm tra các điều kiện phục vụ khách du lịch, nhất là cơ sở lưu trú du lịch, nhà hàng, các trung tâm mua sắm, cơ sở vui chơi, giải trí, di tích, danh lam thắng cảnh và hoạt động vận chuyển khách du lịch trên toàn tỉnh để làm cơ sở xây dựng và bổ sung quy hoạch, kế hoạch phát triển hạ tầng du lịch biển.

Trên cơ sở các quy hoạch được duyệt và định hướng phát triển ngành du lịch nói chung, du lịch biển nói riêng của tỉnh, Sở VH-TT&DL tích cực phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện có hiệu quả nhằm tạo sự đột phá về đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch tại các khu, điểm du lịch ven biển.

3.2.4. Thực trạng quản lý của chính quyền tỉnh đối với kinh doanh du lịch biển

- *Về hỗ trợ cho doanh nghiệp:* Chính quyền tỉnh đã tập trung công tác quản lý, điều hành tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động của các doanh nghiệp và người dân một cách thuận lợi nhất. Rất nhiều các văn bản quy phạm pháp luật được tỉnh ban hành về hỗ trợ đầu tư, đất đai, bồi thường giải phóng mặt bằng khi nhà nước thu hồi đất và các chính sách khác về thuế, tín dụng... để tạo điều kiện thuận lợi về tiếp cận đất đai, thị trường. Bên cạnh việc hoàn thiện các chính sách về hỗ trợ nêu trên đối với các nhà đầu tư trong lĩnh vực du lịch biển. Sở VH-TT&DL thường xuyên đồng hành cùng các doanh nghiệp du lịch trong tỉnh trong quá trình đầu tư, kinh doanh du lịch. Hoạt động công nhận khu, điểm du lịch biển và cấp phép kinh doanh cho các doanh nghiệp, cơ sở hoạt động kinh doanh tại các điểm, khu du lịch biển của tỉnh cũng được chính các cán bộ quản lý trong lĩnh vực du lịch biển hoặc liên quan đến lĩnh vực này đánh giá khá tốt, với tỷ lệ trên 50% chọn đánh giá tốt và trên 15% đánh giá rất tốt.

- *Quản lý hoạt động kinh doanh lữ hành, lưu trú và dịch vụ ăn uống:*

Các cơ quan chuyên ngành đã ban hành nhiều văn bản triển khai các nội dung liên quan đến hoạt động kinh doanh lữ hành, đảm bảo an ninh, an toàn cho khách du lịch. Chính quyền tỉnh chỉ đạo các ngành chức năng và UBND các địa phương thường xuyên tăng cường quản lý, kiểm tra dịch vụ ăn uống và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Công tác quản lý, kiểm soát các hoạt động kinh doanh du lịch được tăng cường, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, chất lượng hàng hóa, niêm yết và bán đúng giá niêm yết; phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan kiểm tra và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm làm ảnh hưởng đến an toàn, lợi ích của khách du lịch.

Đánh giá của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh tại các bãi biển của Thanh Hoá với tỷ lệ cao đánh giá tốt (chiếm khoảng 60% số người khảo sát) và rất tốt (chiếm khoảng 15% số người khảo sát). Đánh giá của khách du lịch về an ninh trật tự và an toàn tại các bãi biển Thanh Hoá cũng khá tốt, trên 64% các ý kiến lựa chọn phương án du lịch tại các bãi biển ở Thanh Hoá là an toàn và rất an toàn; trên 34% lựa chọn phương án bình thường.

Kết quả hoạt động quản lý của chính quyền tỉnh trong lĩnh vực kinh doanh ăn uống, lưu trú và lữ hành tại các khu, điểm du lịch có tác động rõ rệt đến mức độ hài lòng của khách du lịch tại các bãi biển ở Thanh Hoá. Về tổng thể, đa số khách du lịch đánh giá hài lòng và rất hài lòng với chuyến du lịch đến biển của tỉnh trong lần du lịch gần nhất của mình.

3.2.5. Thực trạng quản lý của chính quyền tỉnh đối với hoạt động xúc tiến, mở rộng thị trường du lịch biển

Chính quyền tỉnh luôn có nhiều chủ trương, biện pháp để thực hiện và khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình đó. Tỉnh tiến hành thực hiện phân loại các sản phẩm du lịch theo đối tượng khách nội địa và khách quốc tế để có chiến lược quảng bá sản phẩm và mở rộng thị trường phù hợp. Đối với thị trường khách quốc tế thì các sản phẩm du lịch đặc trưng là du lịch sinh thái, đặc biệt là du lịch khám phá miền Tây xứ Thanh. Đối với thị trường khách du lịch nội địa là các sản phẩm du lịch văn hoá, lễ hội, du lịch nghỉ cuối tuần, các hoạt động ngoài trời và loại hình du lịch kết hợp với các hoạt động thể thao.

3.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DU LỊCH BIỂN TỈNH THANH HOÁ

3.3.1. Những thành công của QLNN đối với du lịch biển của chính quyền tỉnh Thanh Hoá

Những thành công của chính quyền tỉnh về QLNN đối với du lịch biển được thể hiện trên các nội dung như sau:

- Đối với quản lý tài nguyên và môi trường du lịch biển

QLNN môi trường tại các khu du lịch, điểm du lịch biển trên địa bàn tỉnh được thực hiện đồng bộ từ khâu lập kế hoạch đến triển khai thực hiện kế hoạch; khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế để đa dạng hóa các sản phẩm du lịch biển.

- Đối với quản lý hạ tầng du lịch biển

Cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại các khu, điểm du lịch được quy hoạch, xây dựng đồng bộ, khớp nối với quy hoạch cơ sở hạ tầng kỹ thuật chung của địa phương không chỉ phục vụ cho riêng ngành du lịch mà cho cả sự phát triển KT - XH của tỉnh. Hàng năm tỉnh đều dành nguồn lực từ ngân sách để bố trí hợp lý ưu tiên cho đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển du lịch biển; đã thu hút các tập đoàn lớn như FLC, ORG, Flamingo Holding Group, Công ty Cổ phần Tập đoàn Mặt trời... vào đầu tư.

- Đối với quản lý kinh doanh du lịch biển

UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch biển nhất là hoạt động lữ hành và dịch vụ lưu trú, ăn uống; các địa phương có khu, điểm du lịch biển đã xây dựng quy chế quản lý các hoạt động kinh doanh du lịch biển như: Giá cả, lưu trú, ăn uống, xe điện, bán hàng rong, bãi đỗ đậu xe... Công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho hoạt động kinh doanh và cho du khách được quan tâm.

- Đối với quản lý hoạt động xúc tiến, mở rộng thị trường du lịch biển

Đa dạng hoá các hình thức xúc tiến, quảng bá du lịch biển; phát triển nhiều kênh thông tin để quảng bá du lịch biển, tăng cơ hội tiếp cận thông tin về tiềm năng, thế mạnh và những điểm, khu du lịch biển hấp dẫn của tỉnh, kết nối với các doanh nghiệp, địa phương khác để hình thành các chuỗi, tour du lịch biển và du lịch trải nghiệm, nhằm quảng bá cho du lịch biển tại địa phương; bước đầu tỉnh đã kết nối với thị trường khách du lịch quốc tế để giới thiệu về

các dịch vụ du lịch biển, đặt nền móng cho chiến lược những năm tới của tỉnh là thu hút khách du lịch quốc tế với số lượng lớn.

3.3.2. Những hạn chế của QLNN đối với du lịch biển tỉnh Thanh Hoá

- *Hạn chế trong quản lý tài nguyên và môi trường du lịch biển:* Đa số các quy hoạch chưa dự báo, tính toán hết tiềm năng, sự phát triển KT - XH, sự liên kết vùng, nhu cầu đa dạng của khách du lịch... Có sự chồng chéo, chưa rõ thẩm quyền trong công tác QLNN đối với tài nguyên, môi trường du lịch biển. Quản lý về việc thu gom và xử lý nước thải, rác thải tại các khu du lịch biển chưa được xử lý dứt điểm, đặc biệt trong mùa du lịch; hệ thống xử lý nước thải quá tải so với thực tế phát sinh nước thải hàng ngày. Hệ thống nhà vệ sinh công cộng tại các điểm đến du lịch biển vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của khách du lịch.

- *Hạn chế trong quản lý hạ tầng du lịch biển:* Một số địa phương, chính quyền chưa có giải pháp hữu hiệu để đầu tư vào những hạ tầng quan trọng, có tính kết nối, lan tỏa như giao thông, công nghệ thông tin, liên lạc. Hệ thống hạ tầng như giao thông tiếp cận các khu du lịch, điểm du lịch vẫn còn nhiều khó khăn đặc biệt là kết nối giữa du lịch biển với các sản phẩm du lịch văn hoá, tâm linh, du lịch cộng đồng. Một số hạ tầng kỹ thuật đã được đầu tư, đưa vào khai thác song đã xuống cấp nhưng chưa được chính quyền quan tâm duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp.

- *Hạn chế trong quản lý hoạt động kinh doanh du lịch biển:* Vẫn tồn tại thực trạng mất cân đối về nhân lực giữa các loại hình du lịch biển, giữa các mùa du lịch. Công tác thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm, theo dõi chấn chỉnh hoạt động kinh doanh lưu trú lưu hành quốc tế, nội địa, vận chuyển, môi trường du lịch, an ninh trật tự hiệu quả chưa cao. Công tác quản lý hoạt động kinh doanh du lịch biển ở một số khu, điểm có mặt còn hạn chế. Chất lượng một số sản phẩm du lịch chưa cao. Vẫn còn tình trạng vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, quản lý chất lượng hàng hóa; phòng chống cháy nổ, cứu hộ, cứu nạn.

- *Hạn chế trong xúc tiến, mở rộng thị trường du lịch biển:* Công tác xúc tiến du lịch biển, tuyên truyền quảng bá các hoạt động du lịch biển mới chủ yếu tổ chức theo phong trào, trước mỗi mùa du lịch, chưa thành một chương trình thường xuyên, liên tục và có tính chuyên nghiệp. Hình thức tuyên truyền, quảng bá cơ bản vẫn là các hình thức truyền thống, chưa tận dụng được hết sức mạnh của công nghệ. Chưa có sự liên kết chặt chẽ giữa các ngành, địa phương với các doanh nghiệp cũng như liên kết giữa các doanh nghiệp trong hoạt động tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch.

3.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế trong QLNN đối với du lịch biển tỉnh Thanh Hoá

* *Nguyên nhân khách quan*

- Đặc trưng của du lịch biển khu vực phía Bắc ở nước ta nhìn chung bị ảnh hưởng khá nhiều vào thời tiết.

- Một số quy định pháp luật về Du lịch, Tài nguyên, Môi trường, Đất đai, Quy hoạch, Đầu tư, Xây dựng, Di sản... còn có những bất cập, vướng mắc.

- Ngành du lịch nói chung và du lịch biển nói riêng không chỉ phụ thuộc vào thời tiết mà còn phụ thuộc vào nhu cầu của khách du lịch.

- Một bộ phận cộng đồng dân cư ở địa phương ven biển và một số doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch biển nhận thức pháp luật còn hạn chế; chưa thấy rõ vai trò, trách nhiệm của mình trong phát triển ngành du lịch.

- Trong quản lý, khai thác tài nguyên du lịch còn chồng chéo giữa các ngành, gây khó khăn trong khai thác tài nguyên du lịch.

** Nguyên nhân chủ quan*

- Nhận thức, trách nhiệm của một số cấp ủy, chính quyền địa phương, nhất là người đứng đầu đối với công tác lãnh đạo, chỉ đạo phát triển ngành du lịch nói chung, du lịch biển nói riêng còn hạn chế.

- Cải cách thủ tục hành chính trên lĩnh vực đất đai, đầu tư, cấp phép xây dựng còn chưa đồng bộ; còn tình trạng nhiễu, tiêu cực trong giải quyết công việc của bộ phận cán bộ, công chức, viên chức của chính quyền các cấp.

- Chính quyền chưa dành nguồn lực thỏa đáng để đầu tư cho phát triển du lịch biển; kinh phí phân bổ cho các nhiệm vụ của Chương trình phát triển du lịch biển chưa đạt kế hoạch đề ra.

- Công tác quản lý và giám sát quy hoạch còn thiếu chặt chẽ, dẫn đến hiệu quả thực hiện quy hoạch chưa cao; công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành, liên ngành trong các hoạt động kinh doanh du lịch ở một số mảng chưa được thực hiện liên tục, nhưng lại có tình trạng kiểm tra, thanh tra chồng chéo; xử lý các trường hợp vi phạm chưa nghiêm.

- Tổ chức bộ máy QLNN về du lịch, trong đó có du lịch biển còn có những bất cập; số lượng cán bộ, công chức, viên chức cơ cấu chưa hợp lý; trình độ chuyên môn, kỹ năng công tác, đạo đức công vụ có mặt chưa tốt... Đội ngũ hướng dẫn viên du lịch vừa thiếu về số lượng, một số chưa đáp ứng được yêu cầu.

Chương 4

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DU LỊCH BIỂN CỦA TỈNH THANH HÓA

4.1. DỰ BÁO TÌNH HÌNH, PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH BIỂN CỦA TỈNH THANH HÓA ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

4.1.1. Xu hướng du lịch trong thời gian tới

Du lịch biển bền vững là xu hướng chủ đạo trong những năm tới. Khảo sát của Vietnam Report đối với các du khách đến Việt Nam cho thấy 94% những người tham gia khảo sát trả lời sẵn sàng chi nhiều hơn cho các dịch vụ du lịch xanh để thúc đẩy phát triển du lịch bền vững, 70,8% sẵn sàng sử dụng phương tiện công cộng di chuyển đến điểm du lịch, khu du lịch để góp phần bảo vệ môi trường. Những thay đổi này trong xu hướng sử dụng dịch vụ du lịch nói chung và du lịch biển nói riêng trong thời gian tới cần được chú ý khi xây dựng các chiến lược, chương trình, chính sách để phát triển du lịch biển tại Thanh Hoá.

4.1.2. Dự báo tình hình KT - XH và du lịch biển của tỉnh Thanh Hóa

Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đưa ra quan điểm phát triển theo chiều sâu là chủ đạo; đưa Thanh Hóa trở thành một cực tăng trưởng mới, cùng với Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh tạo thành tứ giác phát triển ở phía Bắc của Tổ quốc. Về kinh tế, Thanh Hóa phấn đấu tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) giai đoạn 2021 - 2030 đạt 10% trở lên. Đến năm 2030, nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 5,1%; công nghiệp - xây dựng chiếm 57%; dịch vụ chiếm 33,3%; thuế sản phẩm chiếm 4,6%. GRDP bình quân đầu người đến năm 2025 đạt khoảng 4.200 USD trở lên; năm 2030 đạt 7.850 USD trở lên.

Về du lịch, đến năm 2030, Thanh Hóa trở thành một trong các trung tâm lớn về du lịch của cả nước với các sản phẩm du lịch có chất lượng cao; tập trung phát triển du lịch trên ba loại hình du lịch chính là du lịch biển, du lịch sinh thái cộng đồng; du lịch tìm hiểu văn hóa, lịch sử; mục tiêu đến năm 2025 sẽ đón 63.700.000 lượt khách du lịch trở lên, trong đó khách quốc tế là 3.087.400 lượt trở lên, tăng bình quân 88,7%/năm trở lên.

4.1.3. Phương hướng hoàn thiện QLNN đối với du lịch biển của tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ vào thực trạng của QLNN và những dự báo về môi trường du lịch trong giai đoạn từ nay đến năm 2030 công tác QLNN về du lịch biển của chính quyền tỉnh Thanh Hoá cần tập trung vào nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý trên các mặt xây dựng và triển khai thực hiện các văn bản pháp lý về QLNN trong lĩnh vực du lịch biển. Bên cạnh những định hướng lớn, tổng thể chính quyền tỉnh cần tập trung vào các lĩnh vực quản lý quan trọng, có tác động chi phối đến hiệu quả QLNN đối với du lịch và du lịch biển với định hướng cụ thể như sau:

- *Về quản lý tài nguyên và môi trường du lịch biển:* Nâng cao hiệu quả, tính khả thi và sát với thực tế của các quy hoạch, chương trình, kế hoạch du lịch biển nhằm khai thác tốt nhất tiềm năng, thế mạnh về du lịch biển của Thanh Hóa. Phát triển du lịch biển cần đặt trong mục tiêu thống nhất với quy hoạch tổng thể quốc gia, định hướng phát triển đất nước; liên kết chặt chẽ với các ngành, lĩnh vực kinh tế khác của địa phương. Tập trung định vị sản phẩm du lịch biển đặc trưng của Thanh Hoá dựa trên tiềm năng và lợi thế nổi trội và có các cơ chế, chính sách phát triển hệ thống cung cấp các sản phẩm du lịch biển chuyên nghiệp. Phát triển du lịch biển gắn với bảo vệ và phát triển bền vững môi trường biển.

- *Về quản lý hạ tầng du lịch biển:* Tiếp tục rà soát các quy hoạch để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với định hướng phát triển ngành du lịch của tỉnh; tập trung hoàn thiện thể chế đa dạng hóa nguồn lực cho phát triển du lịch biển; có những chính sách thu hút đầu tư ngoài nhà nước nhiều hơn nữa để có nguồn vốn phát triển du lịch biển theo chương trình, kế hoạch tỉnh đã đặt ra.

- *Về quản lý kinh doanh du lịch biển:* Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định của Nhà nước, của chính quyền địa phương về

kinh doanh du lịch biển; đẩy mạnh công tác phát triển nguồn nhân lực QLNN về du lịch biển.

- *Về quản lý hoạt động xúc tiến, mở rộng thị trường du lịch biển*: Nâng cao tính chuyên nghiệp, hiệu quả trong các hoạt động xúc tiến du lịch biển; chuyên nghiệp hoá công tác xúc tiến trong mối liên hệ chặt chẽ với các hoạt động đầu tư phát triển du lịch biển trên địa bàn.

4.2. CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DU LỊCH BIỂN CỦA TỈNH THANH HÓA

4.2.1. Các giải pháp quản lý tài nguyên và môi trường du lịch biển

- Làm tốt công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch, định hướng chiến lược để có đầu tư hiệu quả nhằm khai thác và quản lý nguồn tài nguyên du lịch biển; ban hành các văn bản thống nhất phương thức quản lý, điều hành các hoạt động tại các khu du lịch biển trên địa bàn tỉnh.

- Quản lý phát triển các sản phẩm du lịch đặc trưng của tỉnh có chất lượng và tính cạnh tranh cao gắn với tiềm năng, lợi thế nổi trội về tài nguyên thiên nhiên, văn hóa.

- Quản lý bảo vệ môi trường khu vực biển và các khu, điểm du lịch ngay từ khâu xây dựng quy hoạch, kế hoạch, lập dự án đầu tư; có cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp kinh doanh du lịch sử dụng trang thiết bị, công nghệ thân thiện với môi trường, áp dụng các mô hình kinh doanh giảm thiểu chất thải, tái sử dụng, tái chế chất thải; tiết kiệm năng lượng.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường của doanh nghiệp kinh doanh du lịch, cộng đồng dân cư.

- Tăng cường kiểm tra và xử lý các vi phạm về các hoạt động liên quan đến xâm hại nguồn tài nguyên thiên nhiên biển, tính đa dạng sinh học; vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường trong các khu, điểm du lịch.

- Xây dựng và áp dụng rộng rãi Bộ tiêu chí hướng dẫn bảo vệ môi trường trong lĩnh vực du lịch nói chung và du lịch biển nói riêng.

4.2.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý hạ tầng du lịch biển

- Quy hoạch đồng bộ phát triển hệ thống hạ tầng KT -XH và hạ tầng du lịch, trong đó có du lịch biển. Nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ xây dựng quy hoạch các khu, điểm du lịch. Công khai hoá các tiêu chí, tiêu chuẩn để đánh giá, đo lường đánh giá chất lượng quy hoạch, đề án và thống nhất thực hiện trên toàn tỉnh,

- Rà soát lại các dự án, đề án phát triển du lịch biển đang chậm triển khai để có biện pháp điều chỉnh cho phù hợp.

- Xác định rõ khả năng huy động nguồn lực để thực hiện các quy hoạch ngay từ khi hình thành và phê chuẩn các quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch biển này, có kế hoạch cụ thể đối với huy động và sử dụng các nguồn lực cho thực hiện các dự án du lịch biển.

- Chỉ đạo giải quyết dứt điểm các vướng mắc, khó khăn trong việc thực hiện các dự án du lịch biển đang chậm tiến độ để sớm hoàn thành và đưa vào

khai thác phục vụ phát triển du lịch. Tập trung ưu tiên bố trí vốn đầu tư hoàn thiện các dự án hạ tầng du lịch trọng điểm.

- Xây dựng cơ chế giám sát chặt chẽ để tiếp tục đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án.

- Xây dựng các kênh thông tin kết nối với các nhà đầu tư, kịp thời nắm bắt và tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho các nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư.

4.2.3. Các giải pháp quản lý kinh doanh du lịch biển

** Giải pháp về tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp và cộng đồng phát triển hoạt động đầu tư, kinh doanh du lịch biển*

- Triển khai đồng bộ các giải pháp, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, góp phần cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh, thu hút các doanh nghiệp, nhà đầu tư du lịch có tiềm lực và thương hiệu mạnh.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển du lịch, đặc biệt doanh nghiệp vừa và nhỏ; hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp kinh doanh du lịch.

- Tăng cường phối hợp giữa các ngành, địa phương trong phát triển du lịch. Nâng cao vai trò và trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc đảm bảo môi trường và an toàn thực phẩm, văn minh du lịch, an ninh, trật tự an toàn xã hội tại các khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh.

- Tích cực ứng dụng khoa học kỹ thuật trong quản lý, vận hành các hoạt động du lịch, góp phần nâng cao hiệu quả công tác QLNN về du lịch.

- Đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra chuyên ngành, liên ngành nhằm kiểm soát và nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch tại địa phương.

- Hình thành hệ thống các tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ của các cơ sở lưu trú, các doanh nghiệp kinh doanh lĩnh vực thông tin trực tiếp đến khách du lịch để đánh giá.

- Nghiên cứu, xây dựng được các mô hình quản lý khu du lịch, trong đó đặc biệt là các khu du lịch biển, theo hướng phối hợp giữa chính quyền và các đơn vị, tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động kinh doanh trong các khu du lịch này.

** Giải pháp về hỗ trợ đào tạo giúp các doanh nghiệp tiếp cận thuận lợi nguồn nhân lực du lịch biển*

Cần có chiến lược rõ ràng về nhân lực phục vụ ngành du lịch nói chung trong đó có du lịch biển, để đáp ứng nhu cầu thực tế và thực hiện được thành công đề án phát triển du lịch biển trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của địa phương.

** Giải pháp về tăng cường đảm bảo ninh trật tự trong hoạt động kinh doanh du lịch và bảo đảm an toàn cho người dân, du khách*

- Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác bảo đảm an ninh trật tự cho các hoạt động kinh doanh du lịch.

- Tăng cường kiểm tra, hướng dẫn các cơ sở, doanh nghiệp kinh doanh du lịch thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, phòng chống cháy nổ, phòng ngừa trộm cắp, bảo vệ tài sản du khách.

4.2.4. Các giải pháp quản lý hoạt động xúc tiến, mở rộng thị trường du lịch biển

- Chú trọng thực hiện đa dạng hóa các hoạt động truyền thông, quảng bá, xúc tiến du lịch theo hướng chuyên nghiệp, có chủ đề, trên các kênh truyền hình Trung ương và hướng đến các kênh truyền hình uy tín quốc tế; phát huy sức mạnh của truyền thông và đẩy mạnh quảng bá trên mạng xã hội... nhằm xây dựng thành công thương hiệu du lịch Thanh Hóa.

- Tiếp tục tổ chức các sự kiện kích cầu tại các thị trường du lịch trọng điểm; khuyến khích, hướng dẫn các doanh nghiệp du lịch hình thành liên kết kích cầu du lịch; tăng cường liên kết phát triển du lịch trong và ngoài nước.

- Đẩy mạnh hoạt động hợp tác, liên kết vùng, các địa phương của các nước đã thiết lập quan hệ với tỉnh để phát triển sản phẩm, quảng bá các điểm đến chung.

4.2.5. Một số giải pháp khác

- Các giải pháp nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy QLNN đối với du lịch biển.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông minh trong QLNN đối với du lịch biển.

4.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

4.3.1. Kiến nghị với Chính phủ

4.3.2. Kiến nghị với các bộ, ngành Trung ương

** Kiến nghị với Bộ VH-TT&DL*

** Kiến nghị đối với Bộ Giao thông Vận tải*

** Đối với Bộ Tài chính*

KẾT LUẬN

Luận án được thực hiện với mục tiêu là nghiên cứu và làm rõ hệ thống lý luận về QLNN của chính quyền cấp tỉnh đối với du lịch biển, trên cơ sở đó vận dụng và đánh giá thực trạng hoạt động quản lý của chính quyền tỉnh Thanh Hoá đối với du lịch biển thời gian qua và đề xuất những giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện QLNN của tỉnh trong lĩnh vực này.

Về mặt lý thuyết, luận án đã xây dựng khung lý thuyết nghiên cứu về quản lý của chính quyền địa phương cấp tỉnh đối với du lịch biển ở nước ta hiện nay. Trên cơ sở tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, luận án đã làm rõ và đề xuất cách tiếp cận nghiên cứu QLNN của chính quyền cấp tỉnh đối với du lịch biển theo các lĩnh vực trọng tâm của du lịch biển. Đó là quản lý tài nguyên và môi trường du lịch biển; quản lý cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch biển; quản lý các hoạt động kinh doanh du lịch biển; quản lý hoạt động xúc tiến, mở rộng thị trường du lịch biển. Trên cơ sở khung lý thuyết này, cùng với tổng quan các công trình nghiên cứu, luận án đề xuất hệ thống các nhân tố tác động đến quản lý của chính quyền cấp tỉnh đối với du lịch biển, làm cơ sở để đánh giá các nguyên nhân của những hạn chế trong quản lý du lịch biển của chính quyền tỉnh Thanh Hoá.

Về đóng góp thực tiễn, luận án tập trung phân tích và làm rõ thực trạng quản lý du lịch biển của chính quyền tỉnh Thanh Hoá trong những năm qua. Phát triển du lịch biển là trọng tâm của mô hình phát triển kinh tế Thanh Hoá hiện nay khi du lịch biển được coi là động lực của tăng trưởng kinh tế. QLNN của chính quyền tỉnh có vai trò quan trọng trong phát triển du lịch biển của địa phương. Quản lý của chính quyền tỉnh thể hiện ở mọi mặt, mọi lĩnh vực của du lịch biển từ việc quản lý tài nguyên và môi trường du lịch biển, đến quản lý, khai thác kinh doanh du lịch biển, quản lý xúc tiến du lịch biển và nhân lực trong lĩnh vực du lịch biển thông qua các cơ chế, chính sách, biện pháp quản lý cụ thể, hiệu quả.

Với những kết quả nghiên cứu trên, luận án đã đóng góp vào hoàn thiện hệ thống lý luận về QLNN đối với du lịch biển của chính quyền cấp tỉnh; đồng thời đóng góp vào việc hoàn thiện và nâng cao hiệu quả quản lý của chính quyền tỉnh Thanh Hoá nhằm đưa ngành du lịch biển thực sự phát triển bền vững, trở thành ngành kinh tế trọng điểm của Thanh Hoá.

Mặc dù đã rất cố gắng để đưa ra những phân tích có tính hệ thống và những bằng chứng khảo sát thực tế để làm rõ các vấn đề lý luận và thực tiễn của QLNN đối với du lịch biển của chính quyền cấp tỉnh, song do thời gian và nguồn lực có hạn, luận án chưa thực hiện được nghiên cứu định lượng để khẳng định mối quan hệ nguyên nhân, kết quả giữa các nhân tố tác động và công tác QLNN của chính quyền tỉnh Thanh Hoá. Do vậy, nên các phân tích về nguyên nhân của các hạn chế trong quản lý của chính quyền tỉnh Thanh Hoá đối với du lịch biển mới dừng ở nghiên cứu định tính, từ dữ liệu thứ cấp. Các nghiên cứu tiếp theo về chủ đề này có thể tiếp tục thực hiện bằng việc áp dụng phương pháp nghiên cứu định lượng nhằm lượng hoá mối quan hệ giữa các nhân tố tác động và QLNN của chính quyền tỉnh Thanh Hoá./.